

Số: 05 TB-ĐHNLBG-QTĐT

Bắc Giang, ngày 03 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v bán thanh lý cây xanh có nguy cơ gãy đổ trong khuôn viên Trường

1. Tên, địa chỉ của tổ chức.

- **Tên tổ chức bán thanh lý:** Ban kiểm kê Thanh lý cây xanh có nguy cơ gãy đổ trong khuôn viên Trường, Địa chỉ: phường Bích Động, thị xã Việt Yên, Bắc Giang.

- **Tên tổ chức có cây xanh thanh lý:** Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, Địa chỉ: phường Bích Động - thị xã Việt Yên - Bắc Giang

2. Thời gian, địa điểm bán thanh lý.

Thời gian tổ chức bán thanh lý thanh lý:

Thời gian bắt đầu cuộc bán thanh lý: 09 giờ 00 phút ngày 13/1/2025

Thời gian kết thúc cuộc bán thanh lý: 10 giờ 00 phút ngày 13/1/2025

Địa điểm tổ chức bán thanh lý: Phòng họp số 02, tầng 3 Nhà Hiệu bộ A1.

3. Tên lô cây thanh lý, giá bán khởi điểm và tiền đặt trước.

- Tên lô cây thanh lý: Là lô cây có nguy cơ gãy đổ trong khuôn viên Trường.

- Tổng trữ lượng gỗ: 68,82 (m³), Chi tiết có phụ lục kèm theo.

- Đơn giá khởi điểm: 1.500.000 (đồng/m³)

- Tổng giá bán khởi điểm: 103.230.000 đồng (Bằng chữ: một trăm linh ba triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng)

- Tiền đặt trước: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng chẵn)

4. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia

- **Thời gian bán hồ sơ, đăng ký tham gia bán thanh lý và nộp tiền đặt cọc trước:** Trong giờ hành chính Từ 07 giờ 30 phút ngày 07/01/2025 đến hết 16 giờ 30 phút ngày 10/01/2025.

- **Giá bán hồ sơ:** 50.000 đồng/Bộ

- **Địa điểm bán hồ sơ, đăng ký tham gia mua thanh lý và nộp tiền đặt cọc trước:** Phòng Tài chính - Kế toán, tầng 1 Nhà hiệu bộ A1.

- **Điều kiện tham gia mua thanh lý:**

Cá nhân, tổ chức có nhu cầu, có khả năng tài chính, có nhu cầu mua thanh lý cây xanh có nguy cơ gãy đổ.

- **Cách thức đăng ký tham gia mua thanh lý:**

Trong thời gian bán hồ sơ và đăng ký tham gia, cá nhân có thể căn cước công/CMND/Hộ chiếu, tổ chức có giấy phép đăng ký kinh doanh đến phòng Tài chính - Kế toán để được hướng dẫn, bán hồ sơ và đăng ký tham gia mua thanh lý.

5. Thời gian, địa điểm xem tài sản bán thanh lý:

- Thời gian xem lô cây thanh lý: Trong giờ hành chính từ ngày 7/1/2025 đến hết ngày 10/1/2025

- Địa điểm xem tài sản cho thuê: Khuôn viên Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. (Khách đến trực tiếp phòng Tài chính - Kế toán để được hướng dẫn)

6. Hình thức bán thanh lý, phương thức bán thanh lý:

- Hình thức bán thanh lý: bán thanh lý bằng hình thức bỏ phiếu trả giá trực tiếp 1 lần tại cuộc bán thanh lý.

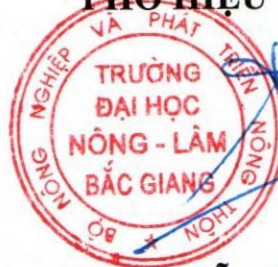
- Phương thức bán thanh lý: Phương thức trả giá lên./.

Nơi nhận:

- Niêm yết theo quy định;
- Trường các đơn vị;
- Lưu VT, QTĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Tuấn Dương

Phụ lục:
CHI TIẾT SỐ LƯỢNG CÂY, TRỪ LƯỢNG GỖ
 (Kèm theo Thông báo số **05** /TB -ĐHNLBG-QTĐT ngày **03** tháng **01** năm 2025
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Stt	Tên cây	Vanh (cm)	Hvn (m)	Trữ lượng (m3)	Stt	Tên cây	Vanh (cm)	Hvn (m)	Trữ lượng (m3)
1	Keo	117,0	11,5	0,6267	114	Keo	112	12	0,5992
2	Keo	96,0	12,0	0,4403	115	Keo	47	8,5	0,0747
3	Keo	56,0	8,0	0,0999	116	Keo	110	13	0,6262
4	Keo	91,0	12,0	0,3956	117	Keo	53	8	0,0895
5	Keo	100,0	13,5	0,5374	118	Keo	72	10	0,2064
6	Keo	122,0	14,0	0,8295	119	Keo	58	9	0,1205
7	Keo	47,0	9,0	0,0791	120	Keo	68	10	0,1841
8	Keo	77,0	10,5	0,2478	121	Keo	63	11	0,1738
9	Keo	51,0	8,5	0,0880	122	Keo	85	8,5	0,2445
10	Keo	56,0	7,5	0,0936	123	Keo	70	10	0,1951
11	Keo	87,0	12,0	0,3616	124	Keo	125	13	0,8086
12	Keo	86,0	11,0	0,3239	125	Keo	132	13	0,9017
13	Keo	70,0	10,5	0,2048	126	Keo	100	12	0,4777
14	Keo	81,0	11,0	0,2873	127	Keo	47	6,5	0,0572
15	Keo	77,0	10,0	0,2360	128	Keo	78	12	0,2906
16	Keo	50,0	9,5	0,0945	129	Keo	95	12,5	0,4491
17	Keo	88,0	11,5	0,3545	130	Keo	49	7	0,0669
18	Keo	110,0	13,0	0,6262	131	Keo	77	13	0,3068
19	Keo	38,00	7,0	0,0402	132	Keo	42	8	0,0562
20	Keo	70,00	12,0	0,2341	133	Keo	71	11	0,2207
21	Keo	95,00	12,5	0,4491	134	Keo	58	11	0,1473
22	Keo	58,00	9,0	0,1205	135	Keo	58	8,5	0,1138
23	Keo	93,00	12,5	0,4304	136	Keo	74	10,5	0,2289
24	Keo	136,00	12,0	0,8836	137	Keo	60	11	0,1576
25	Keo	117,00	13,0	0,7084	138	Keo	46	6,5	0,0548
26	Keo	88,00	10,0	0,3083	139	Keo	84	13	0,3652
27	Keo	66,00	10,5	0,1821	140	Keo	76	12	0,2759
28	Keo	49,00	9,0	0,0860	141	Keo	64	11	0,1794

Stt	Tên cây	Vanh (cm)	Hvn (m)	Trữ lượng (m3)	Stt	Tên cây	Vanh (cm)	Hvn (m)	Trữ lượng (m3)
29	Keo	95,00	12,5	0,4491	142	Keo	49	9	0,0860
30	Keo	119,00	13,0	0,7329	143	Keo	119	11	0,6201
31	Keo	55,00	6,0	0,0723	144	Keo	100	11	0,4379
32	Keo	74,00	12,0	0,2616	145	Keo	56	10	0,1248
33	Keo	50,00	6,5	0,0647	146	Keo	41	5	0,0335
34	Keo	81,00	7,0	0,1828	147	Keo	67	11	0,1966
35	Keo	86,00	11,0	0,3239	148	Keo	48	10	0,0917
36	Keo	48,00	7,0	0,0642	149	Keo	75	11	0,2463
37	Keo	48,00	6,5	0,0596	150	Keo	100	13	0,5175
38	Keo	77,00	8,0	0,1888	151	Keo	50	9,5	0,0945
39	Keo	81,00	13,0	0,3395	152	Keo	76	11	0,2529
40	Keo	64,00	12,0	0,1957	153	Keo	40	6,5	0,0414
41	Keo	71,00	12,0	0,2408	154	Keo	60	10	0,1433
42	Keo	56,00	10,5	0,1311	155	Keo	68	10,5	0,1933
43	Keo	114,00	13,0	0,6726	156	Keo	103	13	0,5490
44	Keo	96,00	13,0	0,4769	157	Keo	82	12,5	0,3346
45	Keo	61,00	6,5	0,0963	158	Keo	69	10,5	0,1990
46	Keo	67,00	7,5	0,1340	159	Keo	104	13	0,5597
47	Keo	42,00	7,0	0,0492	160	Keo	46	7	0,0590
48	Keo	40,00	6,0	0,0382	161	Keo	57	10	0,1293
49	Keo	44,00	7,5	0,0578	162	Keo	42	8	0,0562
50	Keo	59,00	11,5	0,1594	163	Keo	77	12	0,2832
51	Keo	68,00	6,5	0,1196	164	Keo	43	6	0,0442
52	Keo	115,00	13,0	0,6844	165	Keo	101	12,5	0,5076
53	Keo	44,00	6,5	0,0501	166	Keo	93	11,5	0,3960
54	Keo	70,00	9,0	0,1756	167	Keo	72	10,5	0,2167
55	Keo	93,00	12,0	0,4132	168	Keo	80	12	0,3057
56	Keo	86,00	12,5	0,3680	169	Keo	55	8	0,0963
57	Keo	60,00	9,0	0,1290	170	Keo	40	7,5	0,0478
58	Keo	73,00	11,0	0,2334	171	Keo	79	12	0,2981
59	Keo	118,00	13,0	0,7206	172	Keo	68	10,5	0,1933
60	Keo	70,00	12,0	0,2341	173	Keo	80	10	0,2548

Stt	Tên cây	Vanh (cm)	Hvn (m)	Trữ lượng (m3)	Stt	Tên cây	Vanh (cm)	Hvn (m)	Trữ lượng (m3)
61	Keo	91,00	12,0	0,3956	174	Keo	62	8	0,1224
62	Keo	42,00	7,0	0,0492	175	Keo	75	10	0,2239
63	Keo	127,00	13,5	0,8668	176	Keo	85	11,5	0,3308
64	Keo	68,00	11,0	0,2025	177	Keo	72	11	0,2270
65	Keo	62,00	11,0	0,1683	178	Keo	102	12,5	0,5177
66	Keo	50,00	11,0	0,1095	179	Keo	73	11	0,2334
67	Keo	45,00	7,5	0,0605	180	Keo	41	6	0,0402
68	Keo	54,00	10,0	0,1161	181	Keo	47	7	0,0616
69	Keo	95,00	13,0	0,4671	182	Keo	65	10	0,1682
70	Keo	42,00	7,0	0,0492	183	Keo	44	7	0,0539
71	Keo	64,00	7,0	0,1141	184	Keo	41	6	0,0402
72	Keo	96,00	11,0	0,4036	185	Keo	56	8,5	0,1061
73	Keo	70,00	12,5	0,2438	186	Keo	75	11	0,2463
74	Keo	50,00	8,0	0,0796	187	Keo	64	10	0,1631
75	Keo	117,00	13,0	0,7084	188	Keo	81	10,5	0,2742
76	Keo	107,00	13,0	0,5925	189	Keo	86	10,5	0,3091
77	Keo	54,00	8,0	0,0929	190	Keo	58	8	0,1071
78	Keo	74,00	10,0	0,2180	191	Keo	55	13,5	0,1626
79	Keo	83,00	9,0	0,2468	192	Keo	68	12,4	0,2283
80	Keo	92,00	12,5	0,4212	193	Keo	117	13,5	0,7357
81	Keo	128,00	13,5	0,8805	194	Keo	68	8	0,1473
82	Keo	64,00	12,0	0,1957	195	Keo	84	12,5	0,3511
83	Keo	81,00	12,5	0,3265	196	Keo	83	8	0,2194
84	Keo	73,00	8,0	0,1697	197	Keo	72	12,5	0,2580
85	Keo	81,00	9,0	0,2351	198	Keo	103	12,5	0,5279
86	Keo	79,00	9,0	0,2236	199	Keo	61	10	0,1481
87	Keo	109,00	12,0	0,5676	200	Keo	37	6	0,0327
88	Keo	80,00	9,5	0,2420	201	Keo	80	13,5	0,3439
89	Keo	115,00	9,5	0,5001	202	Keo	85	12,5	0,3595
90	Keo	63,00	9,0	0,1422	203	Keo	44	6	0,0462
91	Keo	112,00	10,5	0,5243	204	Keo	84	14	0,3932
92	Keo	79,00	11,5	0,2857	205	Keo	43	6	0,0442

PHẠ
ÔNG
HỌC
- LÃ
GIANG
- NG

Stt	Tên cây	Vanh (cm)	Hvn (m)	Trữ lượng (m3)	Stt	Tên cây	Vanh (cm)	Hvn (m)	Trữ lượng (m3)
93	Keo	54,00	11,0	0,1277	206	Keo	56	9	0,1124
94	Keo	50,00	10,0	0,0995	207	Keo	70	11,5	0,2243
95	Keo	113,00	13,0	0,6608	208	Keo	53	11,5	0,1286
96	Keo	112,00	10,5	0,5243	209	Keo	114	11	0,5691
97	Keo	66,00	9,0	0,1561	210	Keo	91	13,5	0,4450
98	Keo	51,00	9,0	0,0932	211	Keo	89	14	0,4415
99	Keo	103,00	12,5	0,5279	212	Keo	96	14	0,5136
100	Keo	74,00	8,0	0,1744	213	Keo	99	13,5	0,5267
101	Keo	54,00	9,0	0,1045	214	Keo	36	7	0,0361
102	Keo	50,00	10,0	0,0995	215	Keo	47	7	0,0616
103	Keo	93,00	10,0	0,3443	216	Keo	47	7	0,0616
104	Keo	82,00	8,0	0,2141	217	Keo	98	13,5	0,5161
105	Keo	85,00	10,5	0,3020	218	Keo	69	12,5	0,2369
106	Keo	57,00	8,5	0,1099	219	Keo	41	7	0,0468
107	Keo	51,00	8,5	0,0880	220	Keo	107	12,5	0,5697
108	Keo	73,00	10,5	0,2227	221	Keo	44	7	0,0539
109	Keo	63,00	10,5	0,1659	222	Keo	73	13,5	0,2864
110	Keo	99,00	11,5	0,4487	223	Keo	64	12,5	0,2038
111	Keo	86,00	44,0	1,2955	224	Keo	71	13,5	0,2709
112	Keo	78,00	11,0	0,2664	225	Keo	75	13,5	0,3023
113	Keo	85,00	13,5	0,3883	226	Keo	81	12	0,3134
227	Keo	127,00	13,5	0,8668	241	Keo	69	12	0,2274
228	Keo	92,00	11,0	0,3706	242	Keo	87	12,5	0,3766
229	Keo	55,00	9,0	0,1084	243	Keo	38	8	0,0460
230	Keo	37,00	7,0	0,0381	244	Keo	98	13,5	0,5161
231	Keo	30,00	7,0	0,0251					
232	Keo	43,00	6,0	0,0442					
233	Keo	95,00	13,5	0,4850					
234	Keo	87,00	12,5	0,3766					
235	Keo	98,00	12,5	0,4779					
236	Keo	90,00	13,5	0,4353					
237	Keo	86,00	12,5	0,3680					

Stt	Tên cây	Vanh (cm)	Hvn (m)	Trữ lượng (m3)	Stt	Tên cây	Vanh (cm)	Hvn (m)	Trữ lượng (m3)
238	Keo	128,00	13,5	0,8805					
239	Keo	81,00	13,5	0,3526					
240	Keo	112,00	12,0	0,5992					
Tổng trữ lượng (m3)									68,8229

